

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/06/2020

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Mạc Thị Hồng

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 06 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2020, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 20/05/2020, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Lý Thị H, sinh năm 1975 (có mặt)

HKTT: Xóm H, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: anh Lục Thành N, sinh năm 1977 (vắng mặt)

HKTT: xóm H, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Thị H trình bày: chị và anh Lục Thành N chung sống từ năm 1995, trước khi về chung sống có được tìm hiểu, được 2 gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, nhưng do không hiểu biết nên không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống anh chị cũng không đi đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ một thời gian thì ra ở riêng, nhà đất do bố mẹ chồng cho. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc thời gian đầu chung sống, thời gian sau chị thường bị anh N đánh, kể cả khi chị vừa sinh con

chưa tròn tháng, anh N đánh chị không có bất kỳ lý do gì. Kinh tế gia đình khó khăn do anh N không chịu đi làm ăn lại hay chơi lô đề, cờ bạc, còn chị do con còn nhỏ chỉ có thể đi hái chè thuê và làm ruộng.

Từ năm 2002 chị bị anh N đuổi ra khỏi nhà, không cho đem 2 con theo khi con thứ 2 của vợ chồng còn chưa tròn 1 tuổi, đang phải bú mẹ, bố mẹ anh N cũng không can ngăn, do vậy chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở.

Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh N cũng không sang gia đình chị nói chuyện do trước đó giữa 2 gia đình có mâu thuẫn về việc anh N đánh chị nhiều lần. Từ khi chị và anh N không chung sống gia đình anh N cấm các con chị không được đi lại, nhận quà của gia đình chị.

Do anh chị chung sống không có hạnh phúc và đã ly thân thời gian dài, khi chung sống không có đăng ký kết hôn, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Lục Văn N, sinh ngày 25/5/1997; Lục Văn T, sinh ngày 13/02/1999 (chết ngày 15/9/2018). Con chung đã trưởng thành chị không đề nghị giải quyết.

Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

Bị đơn anh Lục Thành N vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh N không có mặt tại gia đình. Ông Lục Trung N là bố đẻ của anh N đã trực tiếp nhận các văn bản và cam đoan sẽ giao tận tay anh N các văn bản trên. Tại các biên bản làm việc ông N xác nhận đã giao tận tay các văn bản, tài liệu cho anh N. Tuy nhiên đến nay anh N vẫn không đến Tòa án để trình bày quan điểm.

Tại biên bản xác minh ngày 11/5/2020, UBND xã P xác định: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã từ năm 1997 cho đến nay, không có sự kiện chị Lý Thị H và anh Lục Thành N thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã P.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/4/2020 ông Nguyễn Văn B - Trưởng xóm H, xã P, đã cung cấp như sau: anh Lục Thành N, sinh năm 1977 có đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm H, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Ông B xác nhận: từ khi ông làm trưởng xóm ông được biết chị H, anh N không đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn của 2 vợ chồng ông không nắm được cụ thể do anh chị không báo cáo chính quyền xóm, nhưng anh chị đã không chung sống thời gian dài. Hiện nay chị H đang ở trên đất của bố mẹ đẻ, anh N chung sống cùng con trai. Chính quyền địa phương xác nhận đã phối hợp cùng Tòa án đến gia đình ông N (bố anh N) nhiều lần để giao các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên anh N đi làm không có nhà. Ông Lục Trung N - là bố đẻ anh N đã nhận và cam kết giao lại cho anh N, nhưng việc anh N có đến Tòa án để giải quyết ly hôn với chị H không, chính quyền địa phương không nắm được. Về

quan điểm nếu anh N cố tình không có mặt thì đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh N, để đảm bảo quyền lợi cho chị H.

Tại các Biên bản làm việc giữa Tòa án và gia đình anh N, ông Lục Trung N - là bố đẻ ông N, xác nhận như sau: anh N và chị H chung sống từ năm 1996, anh chị không đi đăng ký kết hôn nhưng tự nguyện chung sống, có được 2 gia đình cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương.

Sau khi cưới anh chị sống chung cùng gia đình 6 tháng thì ra ở riêng, nhà đất của gia đình có từ trước. Khi con chung thứ 2 được 4 tuổi anh chị không sống chung nữa cho đến nay. Nguyên nhân vợ chồng có mâu thuẫn ông không biết do anh chị đã ở riêng, sau đó bố mẹ chị H đã đón chị về nhà bố mẹ chị ở cho đến nay. Gia đình ông đã đến nhà bố mẹ đẻ chị H để đón chị về nhưng bố mẹ chị H không nói chuyện cùng gia đình ông, chị H cũng không về. Từ khi chị H bỏ đi 2 con chung của anh chị đều do anh N nuôi, con chung thứ 2 của anh chị là Lục Văn T đã chết năm 2018.

Đối với yêu cầu ly hôn của chị H ông N không có ý kiến gì.

Con chung của anh chị đã trưởng thành, tài sản chung, công nợ chung, các khoản cho vay chung của vợ chồng đều không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: áp dụng điều 51, 56, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân

và gia đình: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị H và anh Lục Thành N.

- Về con chung: đã trưởng thành

- Tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: chị Hiền xác định không có nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Lý Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lý Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Lục Thành N, anh chị đều đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm H, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện: Chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn gửi đến Tòa án theo quy định. Do vậy Tòa án đã tiến hành thụ lý yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh N, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của anh N: tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt không có lý do lần thứ 2. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh N không tham gia tố tụng. Vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N theo quy định pháp luật.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Lý Thị H và anh Lục Thành N xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1995, được 2 bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H xác định anh chị không đăng ký kết hôn, do vậy xác định anh chị chung sống nhưng không ĐKKH.

Theo quy định tại khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với

nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Khoản 2 điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Từ những căn cứ trên thấy rằng: Việc chung sống giữa anh N và chị H không có đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh N. Căn cứ theo các văn bản, điều luật đã viện dẫn ở trên, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị H và anh Lục Thành N.

[4.2]. Về con chung: anh chị có 02 con chung là Lục Văn N, sinh ngày 25/5/1997; Lục Văn T, sinh ngày 13/02/1999 (chết ngày 15/9/2018). Con chung đã trưởng thành nên không cần thiết giao người trực tiếp nuôi dưỡng.

[4.3]. Tài sản chung: không có

[4.4]. Nợ chung và khoản cho vay chung: Không có.

[4.5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lý Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị H đối với anh Lục Thành N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị H đối với anh Lục Thành N.

2. Về con chung: Đã trưởng thành

3. Tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay chung: Không có.

4. Án phí: chị Lý Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004647 ngày 24/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh N. Báo cho biết chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS t.x Phổ Yên;
- UBND xã P
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Thị Hồng